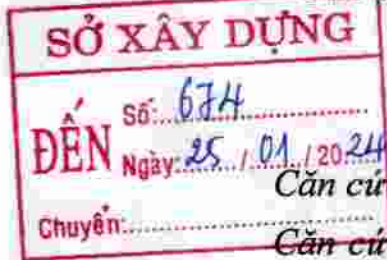


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ  
Số: **3273** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Quảng Trị, ngày **28** tháng **12** năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị năm 2024**



### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 3317/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 và năm 2021, năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Xây dựng tại Văn bản số 3179/SXD-HTKT ngày 22/12/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị năm 2024 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi việc thực hiện và báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BCĐ TW về CSNO&TTBDS;
- Các Bộ: XD, TC, KH&ĐT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT<sub>TDP</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Tiến**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## KẾ HOẠCH

### Phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị năm 2024

(Kèm theo Quyết định số **3273** /QĐ-UBND ngày **28** / **12** /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu phát triển nhà ở theo Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2025, làm cơ sở để các ngành, các cấp, các địa phương phối hợp triển khai thực hiện đảm bảo phát triển nhà ở bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Xác định được tỷ lệ các loại nhà ở cần đầu tư xây dựng; vị trí, khu vực phát triển nhà ở năm 2024.

- Xác định quy mô khu vực dự kiến phát triển nhà ở, bao gồm số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở trong giai đoạn triển khai kế hoạch.

- Góp phần chỉnh trang và phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở cho các tầng lớp dân cư với mức thu nhập khác nhau, đặc biệt là nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội theo quy định.

- Góp phần cho công tác quản lý nhà nước nhằm đảm bảo thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

- Tổ chức triển khai thực hiện nhằm đảm bảo các chỉ tiêu về phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

### 2. Yêu cầu

Rà soát, đánh giá hiện trạng và xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 đảm bảo các yêu cầu:

- Phù hợp với Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2025, các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung tỉnh Quảng Trị, quy hoạch xây dựng vùng huyện và các quy định khác có liên quan.

- Phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và tình hình phát triển nhà ở của tỉnh theo từng năm và theo giai đoạn của Kế hoạch.

- Thực hiện định kỳ việc sơ kết, đánh giá chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở nhằm tổ chức điều chỉnh những nội dung, chỉ tiêu để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

## II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2024

### 1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở

#### 1.1. Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người:

Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh năm 2024 đạt khoảng 26,47 m<sup>2</sup> sàn/người, trong đó tại khu vực đô thị đạt khoảng 31,19 m<sup>2</sup> sàn/người và tại khu vực nông thôn đạt khoảng 23,72 m<sup>2</sup> sàn/người.

#### 1.2. Chỉ tiêu diện tích sàn tối thiểu:

Phân đầu diện tích sàn tối thiểu đạt 10 m<sup>2</sup> sàn/ người.

### 2. Tỷ lệ các loại nhà ở; số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội

#### 2.1. Chỉ tiêu về diện tích, tỷ lệ các loại nhà ở:

a) Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm khoảng 754.763 ÷ 1.039.660 m<sup>2</sup> sàn.

b) Diện tích sàn tăng thêm và tỷ lệ của các loại hình nhà ở:

Stt	Loại nhà	Diện tích sàn tăng thêm (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Nhà ở thương mại	146.139 ÷ 288.447	19,36 ÷ 27,74
2	Nhà ở công vụ	2.311 ÷ 2.658	0,31 ÷ 0,26
3	Nhà ở xã hội	213.528 ÷ 346.617	28,29 ÷ 33,34
4	Nhà ở để phục vụ tái định cư	-	-
5	Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân	392.785 ÷ 401.938	52,04 ÷ 38,66
	<b>Tổng cộng</b>	<b>754.763 ÷ 1.039.660</b>	<b>100%</b>

#### 2.2. Số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội:

Tổng diện tích sàn nhà ở xã hội phân đầu phát triển 213.528 - 346.617 m<sup>2</sup> sàn, tương đương 3.828 ÷ 5.922 căn; trong đó:

a) Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, khu kinh tế: Tổng diện tích sàn dự kiến 200 ÷ 400 căn, tương đương 12.000 ÷ 24.000 m<sup>2</sup> sàn.

b) Nhà ở xã hội cho học sinh, sinh viên: 38 căn tương đương 1.128 m<sup>2</sup> sàn.

c) Nhà ở người có công với cách mạng: 64.800 ÷ 72.000 m<sup>2</sup> sàn, tương đương 1.440 ÷ 1.600 căn.

d) Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn: Phân đầu phát triển 1.295 ÷ 2.700 căn, tương đương 58.275 ÷ 134.451 m<sup>2</sup> sàn.

đ) Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu: 21.825 ÷ 26.818 m<sup>2</sup> sàn, tương đương 485 ÷ 596 căn.

e) Nhà ở xã hội cho các đối tượng khác: 55.500 ÷ 88.220 m<sup>2</sup> sàn, tương đương 370 - 588 căn.

Nhà ở xã hội để cho thuê: Dự kiến, tỷ lệ diện tích sàn nhà ở xã hội để cho thuê chiếm khoảng  $5 \div 10\%$  tổng diện tích sàn nhà ở xã hội.

### **3. Vị trí, khu vực dự kiến đầu tư phát triển nhà ở, số lượng dự án; số lượng nhà ở, tổng diện tích sàn**

Vị trí, khu vực dự kiến đầu tư phát triển nhà ở tại Phụ lục I, II xác định trên cơ sở quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, Chương trình phát triển nhà ở, Chương trình phát triển đô thị, tình hình thực tế địa phương và các quy định khác có liên quan.

#### **3.1. Vị trí, khu vực dự kiến đầu tư phát triển nhà ở, số lượng dự án:**

##### **3.1.1. Nhà ở thương mại:**

Nhằm đảm bảo chỉ tiêu phát triển nhà ở thương mại năm 2024, thực hiện phát triển nhà ở thương mại tại các dự án đang được triển khai thực hiện và thu hút đầu tư tại các khu vực, vị trí, dự án dự kiến phát triển nhà ở thương mại trong Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm và các dự án đầu tư phát triển nhà ở theo Phụ lục I.

##### **3.1.2. Nhà ở công vụ:**

Dự kiến khu vực thực hiện đầu tư xây dựng theo Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 09/4/2022 của UBND tỉnh và nhà công vụ theo báo cáo số 2007/KKT-QHXD ngày 01/12/2023 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh.

##### **3.1.3. Nhà ở xã hội:**

Tiếp tục thực hiện các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đối với việc hỗ trợ xây dựng nhà ở của các đối tượng chính sách theo các chương trình hỗ trợ của nhà nước được thực hiện theo quy định của từng chương trình cụ thể.

Thực hiện kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại, dự án khu đô thị trên địa bàn tỉnh có bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội và các khu vực quy hoạch nhà ở xã hội phù hợp với các khu vực dự kiến phát triển trong Kế hoạch phát triển nhà ở đến năm 2025 và Phụ lục II khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

##### **3.1.4. Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:**

Phát triển nhà ở hộ gia đình, cá nhân tại các khu dân cư hiện hữu; các khu dân cư, khu đô thị đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ, khu vực đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, khu vực dự kiến triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh trong Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 kế hoạch hàng năm và theo các dự án do cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư.

#### **3.2. Tổng diện tích sàn, số lượng nhà ở:**

Tổng diện tích sàn, số lượng nhà ở cần đầu tư xây dựng trong năm 2024  $754.763 \div 1.039.660 \text{ m}^2$  sàn tương đương  $6.526 \div 9.311$  căn, cụ thể như sau:

Stt	Loại nhà ở	Dự kiến thực hiện trong năm 2024	
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số căn
I	Nhà ở thương mại	146.139 - 288.447	650 - 1.282
II	Nhà ở công vụ	2.311 - 2.658	85 - 98
III	Nhà ở xã hội	213.528 - 346.617	3.828 - 5.922
-	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN	12.000 - 24.000	200 - 400
-	Nhà ở xã hội cho học sinh, sinh viên	1.128	38
-	Nhà ở người có công với cách mạng	64.800 - 72.000	1.440 - 1.600
-	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	58.275 - 134.451	1.295 - 2.700
-	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	21.825 - 26.818	485 - 596
-	Nhà ở xã hội cho các đối tượng khác	55.500 - 88.220	370 - 588
IV	Nhà ở để phục vụ tái định cư	-	-
V	Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân	392.785 - 401.938	1.964 - 2.010
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>754.763 - 1.039.660</b>	<b>6.526 - 9.311</b>

#### 4. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất, các hình thức đầu tư xây dựng nhà ở

##### 4.1. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất xây dựng nhà ở:

Nhu cầu quỹ đất để phát triển nhà ở trong năm 2024 khoảng 152,92 ÷ 233,18 ha, cụ thể:

Stt	Hình thức phát triển nhà ở	Nhu cầu về diện tích đất (ha)	
I	Nhà ở thương mại	52,19	: 103,02
II	Nhà ở công vụ	0,41	: 0,47
III	Nhà ở xã hội	34,86	: 62,70
1	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN	1,33	: 2,67
2	Nhà ở xã hội cho học sinh, sinh viên	0,13	
3	Nhà ở người có công với cách mạng	10,80	: 12,00
4	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	9,71	: 22,41

5	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	3,64	
6	Nhà ở xã hội cho các đối tượng khác	9,25	: 14,70
<b>IV</b>	<b>Nhà ở tái định cư</b>		-
<b>V</b>	<b>Nhà ở riêng lẻ do dân tự xây dựng</b>	<b>65,46</b>	<b>: 66,99</b>
<b>TỔNG CỘNG TOÀN TỈNH</b>		<b>152,92</b>	<b>: 233,18</b>

#### 4.2. Các hình thức đầu tư xây dựng nhà ở:

- Phát triển nhà ở thương mại theo dự án, gắn với phát triển đô thị; đa dạng loại hình sản phẩm nhà ở (cho thuê, cho thuê mua, để bán), có cơ cấu sản phẩm phù hợp; có diện tích và giá cả hợp lý, đáp ứng điều kiện kinh tế của người dân.

- Phát triển nhà ở xã hội tại các dự án nhà ở thương mại, dự án phát triển đô thị và tại các khu công nghiệp, khu kinh tế. Bố trí ngân sách nhà nước và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Phát triển nhà ở xã hội theo các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ các đối tượng chính sách vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội để xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo nhà ở.

- Phát triển nhà ở công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thông qua hình thức Nhà nước trực tiếp đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu về nhà ở cho các đối tượng thuộc diện được ở nhà công vụ.

- Phát triển nhà ở tái định cư theo hình thức giao đất để người dân tự xây dựng nhà ở.

- Phát triển nhà ở của hộ gia đình, cá nhân tại các khu đô thị, khu dân cư đảm bảo phù hợp quy hoạch xây dựng; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng; bảo đảm vệ sinh môi trường và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực.

#### 5. Nguồn vốn phát triển các loại hình nhà ở:

Dự kiến nhu cầu nguồn vốn phát triển nhà ở năm 2024 là 7.718,42 tỷ đồng cụ thể:

Stt	Các loại nhà ở	Tổng nguồn vốn (tỷ đồng)	Cơ cấu nguồn vốn 2024				
			Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Vốn hỗ trợ	Vốn doanh nghiệp	Vốn người dân
<b>I</b>	<b>Nhà ở thương mại</b>	<b>2.416,27</b>	-	-	-	<b>2.416,27</b>	-
<b>II</b>	<b>Nhà ở công vụ</b>	<b>15,95</b>	<b>3,99</b>	<b>3,99</b>	<b>7,97</b>	-	-
<b>III</b>	<b>Nhà ở xã hội</b>	<b>2.083,48</b>	<b>260,65</b>	<b>3,54</b>	<b>331,17</b>	<b>136,25</b>	<b>1.351,87</b>
I	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động KCN	136,25	-	-	-	136,25	-

2	Nhà ở xã hội cho học sinh, sinh viên	6,40	6,40	-	-	-	-
3	Nhà ở người có công với cách mạng	460,76	79,95	-	92,15	-	288,66
4	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn	763,26	35,40	3,54	114,05	-	610,28
5	Nhà ở Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu	152,24	18,90	-	68,51	-	64,83
6	Nhà ở xã hội cho các đối tượng khác	564,56	120,00	-	56,46	-	388,11
IV	Nhà ở để phục vụ tái định cư	-	-	-	-	-	-
V	Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân	3.202,72	-	-	-	-	3.202,72
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.718,42</b>	<b>264,64</b>	<b>7,53</b>	<b>339,14</b>	<b>2.552,52</b>	<b>4.554,60</b>

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị đến năm 2025 và năm 2021, năm 2022 và nội dung Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Quảng Trị năm 2024; các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và Chủ đầu tư các dự án đầu tư phát triển nhà ở có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển nhà ở đã đề ra, đảm bảo phát triển nhà ở bền vững trên địa bàn tỉnh.



**Phụ lục I: Các khu vực, vị trí, dự án dự kiến phát triển nhà ở thương mại năm 2024**  
(Kèm theo Quyết định số **3273** /QĐ-UBND ngày **28** /12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)



Stt	Khu vực, vị trí/ dự án dự kiến phát triển nhà ở	Quy mô dự kiến (ha)
<b>A</b>	<b>KHU VỰC, VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN</b>	<b>98,64</b>
1	Thị xã Quảng Trị	5,1
2	Thành phố Đông Hà	45,5
3	Huyện Triệu Phong	13,8
4	Huyện Vĩnh Linh	1,7
5	Huyện Gio Linh	5,7
6	Huyện Hải Lăng	16,2
7	Huyện Cam Lộ	10,8
*	Và một số khu vực, vị trí khác	
<b>B</b>	<b>CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN THỰC HIỆN, THU HÚT ĐẦU TƯ</b>	
<b>I</b>	<b>Đông Hà</b>	<b>379,23</b>
	<b>Phường 1</b>	
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư Bắc đường Nguyễn Huệ Vị trí: Tại phường 1 thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.	2,2
	<b>Phường 2</b>	
2	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Khu đô thị phía Đông mở rộng, thành phố Đông Hà Phạm vi thực hiện: phía Bắc giáp đường Lê Thế Tiết, phía Nam giáp đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây mặt cắt quy hoạch 160m, phía Tây giáp khu vực hiện trạng, phía Đông giáp đường 38m quy hoạch.	142,2
	<b>Phường 3</b>	
3	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại đường Bà Triệu, Phường 3 và Phường 4, thành phố Đông Hà Phạm vi: Khu vực phía Tây Nam cầu sông Hiếu, đường Bà Triệu và dọc hai bờ sông Hiếu	13,5
4	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Khu vực Nam sông Hiếu, Phường 3, thành phố Đông Hà Phạm vi thực hiện: phía Bắc giáp đường Bà Triệu, phía Nam giáp Quốc lộ 9, phía Đông giáp khu vực hiện trạng, phía Tây	28,07

	giáp đường Lê Thánh Tông	
	<b>Phường 4</b>	
5	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại phía Nam sông Hiếu, Phường 4, thành phố Đông Hà Phạm vi: Phía Bắc giáp đường Bà Triệu, công viên bờ sông Hiếu; Phía Nam giáp Quốc lộ 9, khu dân cư hiện hữu; Phía Đông giáp khu quy hoạch thương mại dịch vụ; phía Tây giáp khu dân cư, Đồn Biên phòng phường 4	9,9
	<b>Phường 5</b>	
6	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Phường 5, thành phố Đông Hà Phạm vi: Khu vực hồ Trung chí, công viên Cọ Dầu	11,8
7	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Chợ và Khu phố chợ Phường 5 Phạm vi thực hiện: phía Đông đường Hàm Nghi.	2,25
	<b>Phường Đông Lương</b>	
8	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu vực đường Thuận Châu, Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà Phạm vi: Tiếp giáp đường Nguyễn Thiện Thuật, đường Thuận Châu, đất trồng lúa, khu dân cư hiện có	26,94
9	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại phía Bắc đường Tân Sờ, Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà Phạm vi: Phía Bắc giáp giải cây xanh, đường bao phía Nam khu công nghiệp Nam Đông Hà; Phía Nam giáp mương thủy lợi; Phía Đông giáp khu dân cư; Phía Tây giáp Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	24,85
10	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà Phạm vi: Phía Đông Bắc tiếp giáp đường Hùng Vương; Phía Đông Nam tiếp giáp Cục thuế tỉnh, phía Tây Nam và Tây Bắc tiếp giáp đường quy hoạch	3,53
11	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/khu dân cư/nhà ở... phía Bắc đường Tân Sờ phường Đông Lương Phạm vi thực hiện: phía Bắc giáp đường quy hoạch mặt cắt 32m, phía Nam giáp đường Tân Sờ, phía Tây giáp đường Hùng Vương, phía Đông giáp khu vực hiện trạng.	26,89
	<b>Phường Đông Thanh</b>	
12	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà Phạm vi: thuộc khu vực khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1	2
13	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu vực đường hai đầu cầu sông Hiếu, khu phố 4, phường Đông Thanh. Phạm vi thực hiện: hai bên đường Lê Thánh Tông, phường Đông Thanh.	8,6
	<b>Phường Đông Giang</b>	
14	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở ... tại Khu đô thị Bắc sông Hiếu (giai đoạn 2), thành phố Đông Hà	9,9

	<b>Phường Đông Lễ</b>	
15	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại phía Bắc đường Lê Thế Tiết Phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà Phạm vi: Phía bắc đường Lê Thế Tiết, giáp khu dân cư	7,2
16	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu sinh thái Nam sông Hiếu, phường Đông Lễ Phạm vi thực hiện: phía Bắc và phía Đông giáp sông Hiếu, phía Tây giáp Nhà máy xử lý nước thải, phía Đông giáp đường Côn Cỏ	65
<b>II</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>	<b>13,8</b>
17	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Thị trấn Hồ Xá và xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh Vị trí: Khu dân cư Tây Nam Quốc lộ 1 (Giai đoạn 2) thị trấn Hồ Xá	7,3
18	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Khóm 5, Thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	6,5
<b>III</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>	<b>90</b>
19	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu vực phía Nam thị trấn Cam Lộ Vị trí: Thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	40
20	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Khu vực hồ Nghĩa Hy, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	20
21	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại Khu vực Bắc Hới Sông xã Thanh An, huyện Cam Lộ	3
22	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu vực phía Đông xã Thanh An, huyện Cam Lộ	15
23	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu dân cư Bàu Óc, xã Thanh An, huyện Cam Lộ	2
24	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu dân cư Bàu Ao, xã Thanh An, huyện Cam Lộ	5
25	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại khu dân cư Phan Xá Phường, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	5
<b>IV</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>	<b>114,87</b>
26	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở ... Nam sông Vĩnh Phước, huyện Triệu Phong Phạm vi: Tiếp giáp đường Hùng Vương nối dài, sông Vĩnh Phước	44,22
27	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở ... tại Khu vực xã Triệu An (thuộc khu Kinh tế Đông Nam), huyện Triệu Phong Vị trí: xã Triệu An và Triệu Vân, huyện Triệu Phong	70,65
<b>V</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>	<b>115,72</b>
28	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại phía Nam thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng. Phạm vi: Phía Tây Bắc giáp đường Nguyễn Hữu Mai; phía Đông Bắc giáp đường Trương Công Kinh; Phía Tây Nam giáp đường Bùi Dục Tài; Phía Đông Nam giáp đường ĐT.528B, khu dân cư hiện có	30,16

29	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại hồ Đập Thanh giai đoạn 3, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng. Phạm vi: Phía Tây giáp xã Hải Lâm; Phía Đông Bắc giáp đường ĐT584; Phía Nam, Tây Nam giáp hồ Đập Thanh; Phía Đông Nam giáp Khu đô thị phía Đông hồ Đập Thanh giai đoạn 2	40
30	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/nhà ở... tại hồ nước Chè Thượng, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng. Phạm vi: Phía Tây Bắc giáp đường 3 tháng 2; Phía Đông Bắc giáp đường Bùi Dục Tài; Phía Tây Nam giáp đường Ngô Quyền; Phía Đông Nam giáp đường ĐT.528B.	45,56
<b>VI</b>	<b>Thị Xã Quảng Trị</b>	<b>42,22</b>
31	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/ nhà ở...Khu đô thị mới Võ Thị Sáu (Giai đoạn 3), thị xã Quảng Trị Phạm vi: Phía Bắc giáp: Xã Hải Quy, huyện Hải Lăng; Phía Tây giáp: Kênh Nam Thạch Hãn; Phía Đông giáp: Xã Hải Quy, huyện Hải Lăng; Phía Nam giáp: Tuyến đường tránh QL1A và Xã Hải Quy, huyện Hải Lăng	19
32	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/ nhà ở...Khu dân cư Khu phố 8, Phường 3, thị xã Quảng Trị Phạm vi: Phía Bắc: Giáp Khu đô thị Võ Văn Kiệt; Phía Nam: Giáp QL1A đoạn qua thị xã Quảng Trị; Phía Đông: Giáp Khu đô thị Võ Văn Kiệt; Phía Tây: Giáp kênh Nam Thạch Hãn.	10,72
33	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/ nhà ở.... Khu đất Sân vận động thị xã Phạm vi: Phía Nam: Giáp đường Lê Hồng Phong; Phía Đông: Giáp đường Thạch Hãn; Phía Tây: Giáp đường Trần Hưng Đạo	2,5
34	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị/ khu dân cư/ nhà ở.... Khu dân cư Đồng Sùng (phường An Đôn)	10
	Và một số dự án khác	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>755,84</b>

**Ghi chú:**

- Các dự án phát triển nhà ở tại các khu vực phát triển chỉ được chấp thuận chủ trương đầu tư khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Tên dự án sẽ được quy định cụ thể theo quyết định chủ trương đầu tư dự án.
- Quy mô dự kiến của các khu vực, vị trí phát triển nhà ở là quỹ đất ở cần bố trí để phát triển nhà ở thương mại theo Kế hoạch.
- Quy mô diện tích các dự án là quy mô dự kiến theo đề xuất của các địa phương và hồ sơ quy hoạch khu vực dự án, quy mô đầu tư sẽ được rà soát, đánh giá, phân kỳ đầu tư theo từng dự án nhằm đảm bảo phù hợp với Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở.

**Phụ lục II: Các vị trí, khu vực/ dự án dự kiến phát triển nhà ở xã hội năm 2024**  
(Kèm theo Quyết định số ~~323~~ **323**/QĐ-UBND ngày ~~28~~ **28** /12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên dự án, vị trí, khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Dự kiến diện tích (ha)
1	Khu nhà ở xã hội tại thôn Phú Ngạn xã Thanh An, huyện Cam Lộ	9,5
2	Khu nhà ở xã hội tại thôn Tân Định xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	0,5
3	Khu nhà ở xã hội phục vụ Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP) tại xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng	135,0
4	Khu nhà ở xã hội phục vụ Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP) tại xã Hải Trường, huyện Hải Lăng	30,16
*	Và các khu vực khác	

**Ghi chú:**

- Các dự án phát triển nhà ở tại các khu vực phát triển chỉ được chấp thuận chủ trương đầu tư khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Tên dự án sẽ được quy định cụ thể theo quyết định chủ trương đầu tư dự án.
- Quy mô diện tích các dự án là quy mô dự kiến theo đề xuất của các địa phương và hồ sơ quy hoạch khu vực dự án, quy mô đầu tư sẽ được rà soát, đánh giá, phân kỳ đầu tư theo từng dự án nhằm đảm bảo phù hợp với Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở.